

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G L
TỈNH H D**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 28/12/2022.

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G L - TỈNH H D**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông An Văn Khoái.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thị Thúy.

2. Bà Nguyễn Thị Lan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Hoàng Long - Thư ký Tòa án nhân dân huyện G L, tỉnh H D.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G L tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G L, tỉnh H D xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 135/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **L T H - sinh năm 1993.**

HKTT: T K, xã Y K, huyện G L, tỉnh H D.

- Bị đơn: Anh **P V T - sinh năm 1987.**

ĐKHKT: T K, xã Y K, huyện G L, tỉnh H D.

Chị H có mặt tại phiên tòa, anh T vắng mặt lần 2 không có lý do đã được tổng đạt hợp lệ.

- Người làm chứng:

+ Bà C T T - sinh năm 1957.

Địa chỉ: T K, xã Y K, huyện G L, tỉnh H D.

Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình khai tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị L T H trình bày:

Chị và anh P V T kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Gia Hòa (nay là xã Y K), huyện G L, tỉnh H D ngày 18/5/2015. Sau khi kết hôn chị H và anh T chung sống cùng với bố mẹ anh T (ông Phạm Văn Súc và bà C T T) tại T K, xã Yết Kêu, huyện G L, tỉnh H D . Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là tính nết không hợp nhau, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, không thống nhất được cách làm ăn kinh tế, nuôi dạy con chung, anh T có biểu hiện không chung thủy với chị H. Hai bên gia đình đặc biệt là bố mẹ đẻ anh T đã khuyên nhủ, hòa giải nhiều lần nhưng không được. Chị H đã bỏ đi nhiều lần, lần cuối cùng là vào tháng 07 năm 2021, chị đã đi thuê nhà ở chỗ khác và vợ chồng chính thức ly thân. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện G L giải quyết cho chị ly hôn anh T.

Về quan hệ con chung: Chị và anh T có 02 con chung gồm P Y N, sinh ngày 06/02/2017 và P T H T, sinh ngày 14/8/2015. Hiện tại cả hai con chung đều đang ở với anh T. Ly hôn chị xin nhận nuôi cháu Nhi để anh T nuôi cháu Thu không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho ai.

Về quan hệ tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện G L đã tiến hành triệu tập anh P V T nhiều lần nhưng anh T đều vắng mặt. Tòa án nhân dân huyện G L đã tiến hành làm việc với gia đình anh T, giao các giấy triệu tập, thông báo tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả tiếp cận công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử đồng thời niêm yết công khai toàn bộ các văn bản tố tụng tại nơi cư trú, trụ sở UBND xã Y K, trụ sở Tòa án nhân dân huyện G L theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình xác minh với bà C T T (mẹ đẻ anh T), Công an viên T K, ông bí thư chi bộ, trưởng T K xã Y K huyện G L tỉnh H D đều xác định: Anh P V T là công dân thuộc T K, xã Y K, huyện G L, tỉnh H D. Hiện tại anh T vẫn đang sinh sống, cư trú tại T K, xã Y K, huyện G L tỉnh H D cùng bố mẹ đẻ là bà C T T và ông Phạm Văn Súc. Anh T làm nghề thợ sơn đi làm sơn loang quanh khu vực G L và một số huyện bên cạnh, sáng đi, tối về nhà. Địa phương, gia đình đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhân dân huyện G L và giao trực tiếp cho anh T. Tuy nhiên anh T có quan điểm là không đến Tòa án làm việc, việc ly hôn để chị L T H tự giải quyết ly hôn một vế, chị H muốn làm thế nào thì làm. Đại diện gia đình anh T và chính quyền địa phương (thôn) cũng đã xác định: Anh P V T và chị L T H quen nhau, yêu nhau và có bầu mới tiến hành đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống vợ chồng anh T và chị H thường xuyên cãi cọ nhau, chị H cũng không chịu đi làm ăn chỉ ở nhà cơm nước và con cái,

lần cuối cùng vào khoảng tháng 07 năm 2021 chị H phát hiện anh T nhắn tin cho người yêu cũ vợ chồng đã cãi nhau và đánh nhau, chị H đi thuê nhà ở Cẩm Giàng sinh sống và làm công ty, anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên không đến tìm chị H về chung sống nữa. Cũng từ đó đến nay anh T và chị H ly thân không ai quan tâm đến ai.

Về quan hệ con chung: Anh P V T và chị Phạm Thị H có 02 con chung gồm P T H T, sinh ngày 14/8/2015 và P Y N, sinh ngày 06/02/2017. Hiện tại cả hai con chung đều đang ở với anh T. Ly hôn theo quan điểm của bà Tỉnh (mẹ anh T) Anh T và gia đình có nguyện vọng xin được tiếp tục nuôi cả hai con chung, tuy nhiên việc anh T nuôi cả hai con chung cũng rất khó khăn, mức thu nhập bình quân một ngày làm sơn của anh T khoảng 600.000đ, gia đình cũng đang có nguyện vọng đề nghị địa phương đưa anh T vào diện hộ nghèo để có thêm phần trợ cấp cho các cháu ăn học.

Quá trình chuẩn bị xét xử Tòa án nhân dân huyện G L đã tiến hành xác minh với Công an xã Y K; Cục xuất nhập cảnh Bộ công an xác định anh T đang cư trú sinh sống tại T K, xã Y K, huyện G L, tỉnh H D. Bên cạnh đó Tòa án nhân dân huyện G L cũng tiến hành xác minh với Hội liên hiệp phụ nữ xã Y K xác định anh P V T và chị L T H quá trình chung sống đã có nhiều mâu thuẫn, đánh nhau, cãi nhau, ly thân nhiều lần và lần cuối từ tháng 07 năm 2021 đến nay không quay lại chung sống với nhau một lần nào. Hội Liên hiệp phụ nữ xã Y K đề nghị Tòa án nhân dân huyện G L giải quyết cho anh chị ly hôn để ổn định cuộc sống của mỗi người. Về quan hệ con chung vợ chồng có 02 con chung, Hội liên hiệp phụ nữ xã đề nghị giao cháu Thu cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cho đến khi trưởng thành (theo nguyện vọng của cháu); Giao cháu Nhi cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi để đảm bảo quyền làm mẹ và quyền lợi của cháu Nhi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G L xác định việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán trong quá trình thu thập chứng cứ, của HĐXX, Thư ký phiên toà đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với các đương sự: Từ khi thụ lý vụ án nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn không hợp tác, không đến Tòa án làm việc cố tình dấu địa chỉ nên vi phạm về quyền nghĩa vụ của đương sự. Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX:

Áp dụng Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình, Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề xuất:

- Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận đơn khởi kiện của chị L T H. Cho ChịH được ly hôn với anh P V T.

- Về con chung: Giao con chung là cháu P T H T sinh ngày 14/8/2015 cho anh T nuôi dưỡng đến năm 18 tuổi trưởng thành. Giao con chung là cháu P Y N sinh ngày 06/02/2017 cho chịH nuôi dưỡng đến năm 18 tuổi trưởng thành. Chấp nhận sự tự nguyện của anh T, chịH không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho ai.

- Về án phí: Chị L T H chịu 300.000đồng án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Chị L T H và anh P V T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y K, huyện G L, tỉnh H D ngày 18/5/2015 là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng tổ chức cuộc sống chung hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính nết không hợp nhau, do bất đồng về việc quản lý kinh tế, không có sự hòa hợp chung, thường xuyên nghi ngờ ghen tuông nhau, chịH và anh T thường xuyên cãi cọ nhau, thậm trí còn đánh nhau, thực tế chịH và anh T đã ly thân từ tháng 07 năm 2021 đến nay không quay lại chung sống với nhau một lần nào, bản thân chịH cũng không được khéo léo trong gia đình, không chịu khó làm ăn nên khiến mâu thuẫn gia đình càng trở lên căng thẳng. Xét thấy mâu thuẫn giữa chịH và anh T đã ở mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh T không đến Tòa làm việc là cố ý gây khó khăn cho chịH nên cần áp dụng quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình 2014 xử cho chị L T H được ly hôn anh P V T.

[2] Về con chung: Chị L T H và anh P V T có 02 con chung gồm P Y N, sinh ngày 06/02/2017 và P T H T, sinh ngày 14/8/2015. Hiện tại cả hai con đều đang ở với anh T. Xét về điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc con chung của chịH và anh T là như nhau, cả hai đều đang làm lao động tự do, mức thu nhập không ổn định. Anh T và gia đình anh T có nguyện vọng xin được nuôi cả hai con chung. Tuy nhiên anh không đến Tòa án làm việc chứng minh điều kiện nuôi con, theo địa phương và gia đình xác định bản thân anh nuôi hai con chung là rất khó khăn, gia đình còn đang đề xuất địa phương đưa anh vào diện hộ nghèo để miễn, giảm một

phần học phí cho các con anh. Do vậy cần giao cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu P T H T, theo nguyện vọng của cháu; Cần giao con chung là P Y N cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho ai.

[3] Về án phí: Chị L T H là nguyên đơn nên phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình, Điều 147; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị L T H được ly hôn anh P V T..

2. Về con chung: Giao con chung P Y N, sinh ngày 06/02/2017, hiện đang ở với anh T cho chị L T H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi; Giao con chung là P T H T, sinh ngày 14/8/2015, hiện đang ở với anh T cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho ai. Chị L T H và anh P V T có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị L T H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2020/0000728 ngày 06/10/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện G L, tỉnh H D.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện G L;
- Chi cục THÁ dân sự huyện G L;
- UBND xã Y K;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

An Văn Khoái